



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ III - NĂM 2008

Chỉ tiêu	Mã số	ma	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
01			Năm nay	Năm trước	Năm Nay	Nam trước
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	1	348,776,748,740	296,099,458,551	1,387,570,918,304	1,138,914,963,055
2. Các khoản giảm trừ	02	1	1,117,874,343	625,506,620	2,386,845,843	2,019,014,620
3. Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ (10=01- 03)	10	1	347,658,874,397	295,473,951,931	1,385,184,072,461	1,136,895,948,435
4. Giá vốn hàng bán	11	2	332,049,610,868	283,415,273,819	1,322,882,081,168	1,091,328,883,652
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng, cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		15,609,263,529	12,058,678,112	62,301,991,293	45,567,064,783
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1	18,787,734,251	8,146,371,759	37,415,056,167	24,431,200,753
7. Chi phí tài chính	22	3	13,108,722,105	2,750,053,269	27,346,881,375	6,965,625,653
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		9,501,465,015	1,097,217,478	18,929,454,936	3,559,385,766
8. Chi phí bán hàng	24		10,004,122,502	6,432,631,655	28,042,428,464	18,503,007,997
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,102,087,539	2,753,196,977	9,394,743,188	8,566,685,058
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24-25)}	30		8,182,065,634	8,269,167,970	34,932,994,433	35,962,946,828
11. Thu nhập khác	31		685,557,670	1,154,183,481	1,078,394,935	1,572,588,787
12. Chi phí khác	32		374,647	272,558,098	131,786,023	355,647,615
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		685,183,023	881,625,383	946,608,912	1,216,941,172
14. Tổng lợi nhuận KT trước thuế (50=30+40)	50		8,867,248,657	9,150,793,353	35,879,603,345	37,179,888,000
15.Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	5	1,313,437,123	1,281,111,068	5,504,023,622	5,205,184,319
16. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51)	60	5	7,553,811,534	7,869,682,285	30,375,579,723	31,974,703,681

Ngày 20 tháng 10 năm 2008

Người Lập biểu
(Đã ký)
Trần Thị Lan

Kế toán trưởng
(Đã ký)
Lê Thúy Đào

Tổng giám đốc
(Đã ký)
Trần Ngọc Châu